

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4
				5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.167.072.939.808	1.102.481.921.347
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-668.412.391.060	-762.113.667.822
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-106.055.735.932	-87.751.723.868
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-1.610.704.368	-2.632.738.540
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-6.000.000.000	-48.168.398.795
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		151.301.504.323	253.327.570.672
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-245.477.263.922	-210.946.603.471
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		290.818.348.849	244.196.359.523
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-236.453.384	-1.092.000.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-1.726.774	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-32.500.000.000	-86.400.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.401.132.776	21.135.753.425
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.742.755.349	3.564.677.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.405.707.967	-62.791.569.010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-147.538.310.000	-189.266.539.973
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-11.452.201.432	-11.452.201.434
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-102.000.000	-102.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-159.092.511.432	-200.820.741.407
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		142.131.545.384	-19.415.950.894
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		133.572.035.176	187.282.271.713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-95.649.334	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		275.655.755.893	167.866.320.819



Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Lập ngày tháng năm

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Bích Ngọc



Diệp Nam Hải

